

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

**Thực hiện Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ;
Chương trình hành động số 16-CTr/TU ngày 25/3/2026 và Chương trình
hành động số 22-CTr/TU ngày 21/5/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh;
Chương trình hành động số 11-CTr/TU ngày 12/01/2026 của Ban Thường vụ
Tỉnh ủy; Chương trình hành động số 13-CTr/ĐU ngày 14/4/2026 của Ban
Chấp hành Đảng bộ UBND tỉnh Quảng Ngãi lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030
(Kèm theo Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 19/6/2026 của UBND tỉnh)**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng (sau đây gọi tắt là *Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng*); Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026-2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số” (sau đây gọi tắt là *Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương*); Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ về việc cập nhật, bổ sung Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026-2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số” (sau đây gọi tắt là *Nghị quyết số 109/NQ-CP của Chính phủ*); Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 (sau đây gọi tắt là *Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh*); Chương trình hành động số 16-CTr/TU ngày 25/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 (sau đây gọi tắt là *Chương trình số 16-CTr/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh*); Chương trình hành động số 22-CTr/TU ngày 21/5/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Kết luận số 18-KL/TW của Hội nghị lần thứ 2 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026-2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số” (sau đây gọi tắt là *Chương trình số 22-CTr/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh*); Chương trình hành động số 11-CTr/TU ngày 12/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện mục tiêu tăng trưởng “2 con số” giai đoạn 2026-2030 và tiếp tục tăng trưởng nhanh, bền vững giai đoạn đến năm 2045 (sau đây gọi tắt là *Chương trình số 11-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy*); Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ UBND tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 (sau đây gọi tắt là *Nghị quyết Đại hội Đảng bộ UBND tỉnh*); Kết luận số 133A-KL/ĐU ngày 05/11/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ UBND tỉnh về việc điều chỉnh một số chỉ tiêu kinh tế trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ UBND tỉnh; Chương trình hành động số 13-CTr/ĐU ngày 14/4/2026 của Ban Chấp hành Đảng

bộ UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ UBND tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 (*sau đây gọi tắt là Chương trình số 13-CTr/ĐU của Ban Chấp hành Đảng bộ UBND tỉnh*), UBND tỉnh Quảng Ngãi xây dựng Chương trình hành động của UBND tỉnh với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Quán triệt và chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương tập trung tổ chức triển khai thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng; Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương; Nghị quyết số 109/NQ-CP của Chính phủ; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh; Chương trình số 16-CTr/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Chương trình số 22-CTr/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Chương trình số 11-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ UBND tỉnh và Chương trình số 13-CTr/ĐU của Ban Chấp hành Đảng bộ UBND tỉnh Quảng Ngãi. Đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, nâng cao kỷ luật, kỷ cương, quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển của tỉnh Quảng Ngãi trong giai đoạn mới.

2. Tổ chức thực hiện phải nghiêm túc, đồng bộ, bài bản, khoa học và hiệu quả, đồng thời, gắn chặt với thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng cấp ủy, cơ quan, đơn vị, địa phương. Đổi mới mạnh mẽ phương thức tổ chức thực hiện theo hướng kết hợp hài hòa giữa truyền thống và đẩy mạnh chuyển đổi số; tăng cường công tác tự nghiên cứu; hiểu sâu - hành động đúng - làm nhanh - làm đến cùng, biến tư tưởng thành hành động cụ thể.

3. Xây dựng Chương trình hành động có trọng tâm, trọng điểm, thực hiện thường xuyên, liên tục trong cả nhiệm kỳ. Chương trình hành động phải cụ thể hóa, xác lập các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu, thời gian thực hiện và phân công trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan đảm bảo: “*rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ kết quả*”; xác định các định hướng phát triển, các nhiệm vụ trọng tâm và đột phá chiến lược đề ra trong Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Chương trình hành động của Ban Chấp hành Trung ương Đảng thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng; Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương; Nghị quyết số 109/NQ-CP của Chính phủ gắn với việc triển khai thực hiện các nghị quyết, kết luận, chỉ thị của Trung ương; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh; Chương trình số 16-CTr/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Chương trình số 22-CTr/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Chương trình số 11-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ UBND tỉnh và Chương trình số 13-CTr/ĐU của Ban Chấp hành Đảng bộ UBND tỉnh Quảng Ngãi.

II. MỤC TIÊU VÀ CHỈ TIÊU

Quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026-2030. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo môi trường thuận lợi cho kinh tế tư nhân phát triển mạnh mẽ, thúc đẩy phát triển kinh tế nhà nước; tiếp tục thực hiện đồng bộ, hiệu

quả các nhiệm vụ trọng tâm và đột phá, các chương trình, dự án trọng điểm và các ngành, lĩnh vực mang tính đột phá; liên kết và phát huy tiềm năng, lợi thế, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, đảm bảo kết nối liên vùng; thực hiện quyết liệt, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, khai thác hợp lý các tiềm năng, lợi thế để tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm tăng trưởng xanh; phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, phát huy hiệu quả không gian phát triển mới, khai thác tiềm năng và lợi thế của hành lang kinh tế Đông - Tây; chú trọng phát triển nguồn lực con người và các giá trị văn hóa, lịch sử; đảm bảo an sinh và nâng cao toàn diện đời sống Nhân dân; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường; bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội; tăng cường đối ngoại. Phấn đấu đến năm 2030 là tỉnh phát triển khá, trở thành một cực tăng trưởng quan trọng của khu vực miền Trung - Tây Nguyên.

(Chỉ tiêu cụ thể tại Phụ lục số 01 và Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Chương trình hành động này).

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, các nghị quyết, kết luận, chỉ thị của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, các nghị quyết, chương trình hành động, kết luận, chỉ thị của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ UBND tỉnh, Chương trình hành động của Đảng ủy UBND tỉnh,... trong đó, tập trung triển khai các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau.

(Các nhiệm vụ, thời hạn thực hiện/hoàn thành cụ thể nêu tại Phụ lục số 03 và Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Chương trình hành động này).

1. Nhiệm vụ và giải pháp về phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026-2030

1.1. Thống nhất tư duy, nhận thức, khát vọng và hành động; đổi mới quản trị thực thi để thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế “2 con số”

Các cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu, cán bộ, đảng viên nhận thức đầy đủ tầm quan trọng và yêu cầu chiến lược, cấp bách thực hiện mục tiêu tăng trưởng “2 con số” gắn với ổn định vĩ mô, nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân; xác định đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, phải cụ thể hoá trong các chương trình, kế hoạch công tác hằng năm, có nhiệm vụ, kết quả, sản phẩm cụ thể cho từng ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương gắn với trách nhiệm người đứng đầu; kiểm tra, giám sát, đánh giá dựa trên tiêu chí kết quả thực hiện. Tăng cường tuyên truyền, vận động, hành động nêu gương để củng cố niềm tin, khát vọng phát triển của cộng đồng doanh nghiệp, người dân và toàn xã hội.

1.2. Hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, giải phóng sức sản xuất, huy động mọi nguồn lực và tạo động lực mới cho phát triển

Nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, thực hiện tiêu chí đánh giá văn bản pháp luật sau khi ban hành. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống hành chính nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã. Khẩn trương tháo gỡ căn bản các rào cản, điểm nghẽn về thể chế, cơ chế, chính sách. Tăng cường phối hợp

rà soát, sửa đổi và hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến phát triển nền kinh tế số, đầu tư kinh doanh, đặc biệt trong lĩnh vực đất đai, quy hoạch, thương mại, đầu tư, khoáng sản, sở hữu trí tuệ, phá sản, xây dựng... góp phần tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất kinh doanh. Đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; Cải cách mạnh mẽ, cắt giảm tối đa thủ tục hành chính theo hướng công khai, minh bạch, chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm; chuẩn hoá, số hoá toàn bộ quy trình giải quyết thủ tục trên môi trường số, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan; rút ngắn tối đa thời gian, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp. Quyết liệt xử lý triệt để, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến các dự án tồn đọng, các dự án sử dụng đất trong các kết luận thanh tra, kiểm tra, giám sát, bản án và các vi phạm pháp luật về đất đai đến trước khi Luật Đất đai 2024 có hiệu lực. Xây dựng, điều chỉnh các quy hoạch bảo đảm đồng bộ, thống nhất, tạo điều kiện cho huy động, phân bổ, sử dụng nguồn lực hiệu quả.

Tiếp tục thực hiện phân cấp, phân quyền rõ ràng, đồng bộ trong các lĩnh vực tài chính, đầu tư, xây dựng, đất đai và các lĩnh vực khác gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát.

Đổi mới mạnh mẽ công tác tổ chức thực hiện, chú trọng giám sát và xử lý sau thanh tra, đẩy mạnh hơn nữa phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Kiên quyết, kịp thời thay thế cán bộ yếu kém, đùn đẩy, thiếu trách nhiệm, không hoàn thành nhiệm vụ; khen thưởng, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; tập trung nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức gắn với cơ cấu lại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới; phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa Cấp tỉnh - cấp xã - doanh nghiệp - người dân; thực hiện các chính sách đột phá, bảo vệ người dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung.

1.3. Xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính

Đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Thúc đẩy tăng trưởng gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế, bội chi ngân sách nhà nước trong giới hạn quy định. Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành kinh tế; tăng cường huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển; thúc đẩy và làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống (*đầu tư, tiêu dùng, xuất khẩu*), khai thác mạnh mẽ, hiệu quả các động lực tăng trưởng, mô hình kinh tế mới.

Nâng cao năng lực sản xuất các ngành công nghiệp chiến lược, tiến tới tự chủ, tự cường về nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất, nguồn nhân lực và khoa học công nghệ gắn với tăng cường vị thế, vai trò của Việt Nam trong chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị khu vực, toàn cầu; tập trung phát triển các ngành công nghiệp xanh, công nghệ cao, có lợi thế cạnh tranh; ưu tiên các dự án lớn, mang tính động lực, giá trị gia tăng cao, công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường (điện tử, cơ khí, hydrogen xanh, công nghiệp bán dẫn...); đẩy nhanh tiến độ, đưa vào vận

hành các dự án nguồn điện, lưới điện và trạm biến áp trong Quy hoạch điện VIII; cải cách thủ tục đầu tư, tháo gỡ khó khăn về vốn, mặt bằng, nguyên liệu; tạo điều kiện để các dự án triển khai đúng tiến độ, các nhà máy hoạt động hiệu quả. Phát triển các cụm liên kết ngành công nghiệp chuyên môn hóa và các tổ hợp công nghiệp quy mô lớn. Đẩy mạnh phát triển các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn; khôi phục, phát triển làng nghề truyền thống, gắn với sản phẩm phục vụ du lịch, xuất khẩu có giá trị gia tăng cao.

Nâng cao năng lực ngành xây dựng, nhất là xây dựng công nghiệp. Tổ chức thực hiện thành công các chương trình đầu tư công, công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với chiến lược phát triển hạ tầng và thu hút đầu tư nước ngoài (FDI). Quản lý thị trường bất động sản phát triển lành mạnh, minh bạch, bền vững, đáp ứng tốt hơn nhu cầu nhà ở của người dân.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng đẩy mạnh phát triển nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, tập trung, chuyển đổi xanh, sinh thái, tuần hoàn, công nghệ cao, thích ứng biến đổi khí hậu, gắn với xây dựng thương hiệu địa phương, liên kết chuỗi giá trị, mở rộng thị trường. Chú trọng phát triển nông nghiệp công nghệ cao, sản phẩm hàng hóa đặc sản của vùng đất Quảng Ngãi, như: cây ăn quả, cây dược liệu, cây lâm nghiệp,... phân đầu đạt giá trị gia tăng trên một đơn vị diện tích cao nhất; gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất, chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm. Có chính sách thu hút đầu tư vào nông nghiệp và phát triển toàn diện kinh tế nông thôn. Phát triển chăn nuôi theo phương thức công nghiệp, hữu cơ, an toàn sinh học, cơ giới hóa chăn nuôi và giết mổ. Khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế rừng và đất lâm nghiệp theo hướng bền vững. Đầu tư sản xuất lâm nghiệp theo chuỗi giá trị có hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao, tăng diện tích rừng trồng có chứng chỉ quản lý rừng bền vững, phát triển tín chỉ carbon rừng. Nâng cao năng suất, hiệu quả nuôi trồng thủy sản; tiếp tục khai thác thủy sản bền vững, chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định (IUU); phát triển mạnh các ngành kinh tế biển gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên biển.

Phát triển các ngành dịch vụ theo hướng hiện đại hoá hệ sinh thái dịch vụ, phát triển một số ngành, sản phẩm dịch vụ có lợi thế cạnh tranh. Xây dựng cơ sở vật chất và các sản phẩm du lịch đáp ứng nhu cầu của du khách trong nước và quốc tế. Tăng cường thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các tập đoàn uy tín, có tiềm lực, kinh nghiệm đầu tư hình thành các khu dịch vụ du lịch phức hợp, dự án dịch vụ du lịch quy mô lớn, các trung tâm mua sắm, giải trí, thể thao chất lượng cao tại các địa bàn trọng điểm. Phát triển đa dạng các loại hình, sản phẩm du lịch đáp ứng nhu cầu phong phú của khách trong nước và quốc tế. Thực hiện xã hội hóa toàn diện để huy động nguồn lực trong dân phát triển hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch. Phát triển nguồn nhân lực du lịch đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới. Đẩy mạnh liên kết, hợp tác phát triển du lịch trong và ngoài nước; liên kết, hợp tác phát triển du lịch với Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, vùng Bắc Trung Bộ và vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, phát huy hiệu quả các tuyến du lịch quốc gia, tuyến liên tỉnh và tuyến liên vùng.

Hiện đại hóa hệ thống hạ tầng thương mại, phát triển thương mại điện tử. Phát triển thị trường trong nước trở thành điểm tựa quan trọng cho tăng trưởng; chuyển dịch mạnh mẽ sang các loại hình phân phối hiện đại. Tổ chức các chương trình kích cầu tiêu dùng quy mô lớn, thực chất, hiệu quả. Nâng cao hiệu quả xúc tiến thương mại, kết nối giao thương, chất lượng và giá trị gia tăng hàng hóa xuất khẩu; mở rộng và đa dạng hoá thị trường xuất khẩu, chuỗi cung ứng, tận dụng có hiệu quả các FTA đã ký kết, phát triển các thị trường mới, đặc biệt vào các thị trường như Nhật, Mỹ, EU,...; ưu tiên xuất khẩu các nhóm sản phẩm có giá trị gia tăng, đổi mới sáng tạo, tiêu chuẩn xanh, tiêu chuẩn môi trường, xã hội và quản trị (ESG); tham gia sâu vào chuỗi cung ứng chiến lược. Khai thác tối đa vị trí chiến lược, điểm giao thoa của trục Bắc - Nam và hành lang kinh tế Đông - Tây xây dựng trung tâm Logistic liên vùng, chuỗi giá trị “cửa khẩu - cảng biển - sân bay”,... Đẩy mạnh thương mại biên giới, gắn với hạ tầng công nghệ, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Nâng cao hiệu quả khu vực kinh tế nhà nước, phát triển khu vực kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế. Triển khai các chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực tài chính, công nghệ, quản trị cho doanh nghiệp trong nước, chú trọng hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp. Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia chuỗi giá trị toàn cầu và vươn ra thị trường quốc tế hiệu quả, bền vững để mở rộng không gian tăng trưởng, nâng cao vị thế và thương hiệu quốc gia Việt Nam trên trường quốc tế. Thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp tiêu biểu, tiên phong trong đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, phát triển các ngành công nghệ cao, công nghiệp mới nổi. Tăng cường kết nối khu vực kinh tế có vốn nước ngoài với các khu vực kinh tế trong nước.

1.4. Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, xây dựng nền giáo dục quốc dân hiện đại

Tập trung chuyển đổi cơ cấu, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực, ngành, nghề trọng điểm, đáp ứng yêu cầu thị trường lao động gắn với yêu cầu chuyển đổi cơ cấu kinh tế và hội nhập trong bối cảnh mới.

Triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao toàn diện chất lượng giáo dục, đào tạo giai đoạn 2026-2035. Tăng cường dạy và học ngoại ngữ, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học. Đổi mới Chương trình giáo dục mầm non và triển khai phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi theo lộ trình. Tập trung đầu tư kiên cố hóa trường học, lớp học, nhà công vụ; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học, ưu tiên phát triển giáo dục tại các xã biên giới, vùng khó khăn; chuẩn hóa đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp. Đẩy mạnh phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Nghệ thuật, Toán học và nghiên cứu khoa học, phát triển năng lực số trong trường phổ thông. Ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo (AI) và chuyển đổi số trong giáo dục.

Đào tạo nhân lực chất lượng cao theo chuẩn quốc tế, đặc biệt chú trọng đội

ngũ cán bộ quản lý và nguồn nhân lực cho các ngành mũi nhọn về khoa học công nghệ, quản trị thông minh, khoa học cơ bản và các lĩnh vực ưu tiên, mới nổi (như trí tuệ nhân tạo, an ninh mạng, chuỗi khối, điện tử, chip bán dẫn, công nghệ số, công nghệ lượng tử, công nghệ sinh học, môi trường, năng lượng, vật liệu tiên tiến, robot và tự động hóa, không gian vũ trụ, không gian biển, xây dựng công trình ngầm, vận hành đường sắt đô thị và đường sắt tốc độ cao). Phát triển nguồn nhân lực số, trang bị kỹ năng số toàn diện cho người lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế số và xã hội số.

Có chính sách ưu tiên đầu tư phát triển giáo dục ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn, các đối tượng chính sách.

1.5. Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

Thực hiện toàn diện, hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị khoá XIII về “Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” để tạo xung lực mới và đột phá phát triển trong giai đoạn tới.

Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và phát triển công nghệ vào sản xuất, đặc biệt là công nghệ cao, công nghệ số và công nghệ cốt lõi của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phát triển các cơ sở nghiên cứu, thử nghiệm, trong đó tập trung cho công nghệ sinh học, công nghệ thông tin.

Khuyến khích hợp tác nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ giữa doanh nghiệp, trường đại học trong tỉnh với các đối tác trong và ngoài nước theo quy định. Đa dạng hóa các hình thức hợp tác quốc tế, gắn kết giữa hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ với hợp tác về kinh tế. Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Phấn đấu hoàn thành số hóa 100% các di tích đã được xếp hạng cấp tỉnh, cấp quốc gia, cấp quốc gia đặc biệt vào năm 2026; số hóa 100% di sản văn hóa phi vật thể trong danh mục quốc gia và được UNESCO ghi danh vào di sản văn hóa phi vật thể nhân loại vào năm 2027; số hóa 50% di sản văn hóa trong danh mục kiểm kê vào năm 2030; đến năm 2030 toàn bộ Di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh, các tài liệu hiện vật tại Bảo tàng tỉnh được số hóa.

Tập trung phát triển hạ tầng số phục vụ du lịch theo hướng đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng công cộng của tỉnh. Tổ chức số hóa tài nguyên du lịch, khu, điểm du lịch, di tích, bảo tàng, hiện vật, lễ hội, làng nghề, sản phẩm du lịch, cơ sở lưu trú và các dữ liệu chuyên ngành phục vụ quản lý, xúc tiến quảng bá và hỗ trợ khách du lịch; từng bước xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu số ngành du lịch bảo đảm khả năng tích hợp, chia sẻ, khai thác và sử dụng hiệu quả.

Tiếp tục thực hiện việc hỗ trợ các doanh nghiệp chuyển đổi số, ứng dụng

khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo thông qua triển khai các Chương trình, Đề án như: Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030; Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hoá; Kế hoạch tổng thể nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; Đề án tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn 2026-2030; Đề án Chuyển đổi số các doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2026-2030...

1.6. Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, khai thác hiệu quả không gian phát triển mới, lấy đô thị làm động lực phát triển vùng và đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới

Phân bổ nguồn lực đầu tư cân đối, hợp lý giữa các địa bàn, khu vực, đảm bảo mức đầu tư vào từng địa bàn không thấp hơn trước khi hợp nhất tỉnh, không để nơi nào bị tụt hậu, mất động lực phát triển. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong xã hội theo phương thức đối tác công tư (PPP) để đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, có tính kết nối cao nhất là các dự án trọng điểm có tác động lan tỏa, vùng động lực để tạo động lực để phát triển, đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Chú trọng đầu tư hạ tầng thiết yếu, đầu tư phát triển kinh tế tại các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại. Tăng cường đầu tư mạng lưới hạ tầng giao thông kết nối liên vùng, nhất là các tuyến trục từ khu vực miền núi đến trung tâm tỉnh, các khu kinh tế, khu công nghiệp, cảng biển, các trục hành lang kinh tế trọng điểm, như: Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Quảng Ngãi - Kon Tum và nghiên cứu đầu tư các đoạn tuyến đường bộ cao tốc Kon Tum - Ngọc Hồi và đoạn Ngọc Hồi - Bờ Y; Đầu tư cải tạo, nâng cấp các đoạn còn lại từ Km32 - Km89+513, Quốc lộ 24; Đường giao thông kết nối liên vùng Quốc lộ 24B, Tỉnh lộ 623, đường Ngọc Hoàng - Măng Bút - Tu Mơ Rông - Ngọc Linh, Tỉnh lộ 673- Đường Hồ Chí Minh - Cửa khẩu Đắk Plô, Đắk Long; Đường giao thông kết nối Quốc lộ 24 - Quốc lộ 1 - Khu du lịch sinh thái quốc gia Măng Đen - Đường Hồ Chí Minh - Quốc lộ 14C - Quốc lộ 40; đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi; hoàn thành tuyến đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh; đầu tư hạ tầng giao thông kết nối sân bay Chu Lai; cảng hàng không Măng Đen; sân bay Lý Sơn; tuyến đường sắt kết nối vùng Tây Nguyên; nghiên cứu thực hiện đầu tư hạ tầng giao thông kết nối cửa khẩu quốc tế Bờ Y và cảng nước sâu Dung Quất; tích cực tham gia xây dựng đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam... Phát triển đô thị hóa mạnh mẽ, phấn đấu đến năm 2030 tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 38%, tập trung vào xây dựng đô thị thông minh, hiện đại, có bản sắc văn hóa và kết hợp bảo vệ môi trường; hoàn thành 8.356 căn nhà ở xã hội theo chỉ tiêu được Chính phủ giao trong giai đoạn 2026-2030 theo Nghị quyết số 07/NQ-CP ngày 07/01/2026 của Chính phủ.

Phát triển hạ tầng điện, năng lượng tái tạo. Tập trung phát triển nguồn điện theo Kế hoạch số 16-KH/TU ngày 21/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an

ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tận dụng lợi thế về điện gió, điện mặt trời, thủy điện nhỏ để đầu tư phát triển các dự án năng lượng tái tạo. Tiếp tục đầu tư nâng cấp lưới điện trung áp, hạ áp nông thôn; đầu tư dự án cấp điện cho các địa bàn nông thôn, miền núi.

Phát triển hạ tầng logistics hiện đại; xây dựng mạng lưới logistics đa chiều, nâng tầm khu vực trở thành trung tâm trung chuyển hàng hóa, du lịch dịch vụ chiến lược của Tây Nguyên, duyên hải Trung Bộ và các nước tiểu vùng Mê Kông. Tiếp tục đầu tư để xây dựng các cảng biển trở thành điểm trung chuyển quốc tế gắn với Trung tâm logistics cấp vùng tại Khu kinh tế Dung Quất theo quy hoạch. Đầu tư, nâng cấp các tuyến đường kết nối các địa phương trong tỉnh, nhất là các xã vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới.

Phát triển hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp đồng bộ đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư trong nước và nước ngoài. Ưu tiên nguồn lực để hoàn chỉnh hạ tầng thiết yếu trong Khu kinh tế Dung Quất, nhất là hệ thống xử lý nước thải công nghiệp tập trung, giao thông kết nối cảng biển - khu công nghiệp - khu đô thị, các khu tái định cư. Ưu tiên đầu tư hạ tầng kết nối, đầu tư đồng bộ hạ tầng thiết yếu cụm công nghiệp đang hoạt động, có hạ tầng đầu tư dở dang; các cụm công nghiệp tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn. Đẩy nhanh thực hiện dự án Dự án Chính trang đô thị, tạo quỹ đất để thực hiện quy hoạch Khu công nghiệp Sao Mai, sớm hoàn thiện hạ tầng, đi vào hoạt động thu hút đầu tư. Đầu tư và đẩy mạnh huy động các nguồn lực đầu tư phát triển đồng bộ, hiện đại hạ tầng văn hóa - xã hội góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng miền. Tăng cường thu hút đầu tư các lò hỏa táng, viện dưỡng lão nhằm đáp ứng xu thế phát triển hiện nay.

Tổ chức thực hiện công tác lập quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn kịp thời và khoa học; rà soát, điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị gắn với Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia và việc sắp xếp đơn vị hành chính mới. Tập trung phát triển đô thị gắn với những đột phá về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, kiến trúc cảnh quan theo hướng đô thị sinh thái, văn minh, thông minh, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD). Hình thành các đô thị sinh thái, thông minh dọc hai bên bờ sông Trà Khúc, sông Đăk Bla, gắn kết giữa bảo tồn thiên nhiên và phát triển hiện đại; định hướng phát triển một số đô thị động lực ở các khu vực có lợi thế như khu vực theo Quy hoạch phân khu đô thị, dịch vụ Đông Nam Dung Quất, Quy hoạch phân khu MĐ1; tập trung phát triển tại các đô thị hiện hữu, khu du lịch hiện nay.

Xây dựng nông thôn mới theo hướng toàn diện, bền vững gắn với đô thị hóa và phát triển kinh tế nông thôn; duy trì và phát huy kết quả xây dựng thôn (làng) nông thôn mới vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Phấn đấu đến năm 2030, có trên 65% số xã đạt chuẩn nông thôn mới. Quy hoạch phân bố dân cư phù hợp với truyền thống văn hóa, dân tộc, môi trường sinh thái của từng địa phương và thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát triển hạ tầng nông nghiệp công nghệ cao, gắn sản

xuất với du lịch cộng đồng. Đầu tư hệ thống hạ tầng vùng sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản tập trung mang tính chiến lược, tầm nhìn dài hạn và liên kết vùng. Chú trọng đầu tư, nâng cấp hạ tầng thủy lợi, phòng chống thiên tai, hạ tầng các cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão và phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác chống khai thác IUU, hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường. Đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng cấp nước sạch đồng bộ, bền vững; ưu tiên các hệ thống cấp nước quy mô lớn, liên vùng, liên xã, công trình kết nối cấp nước từ đô thị về khu vực nông thôn; huy động, lồng ghép các nguồn lực để xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp và mở rộng các công trình cấp nước sạch tập trung; khuyến khích xã hội hóa, đa dạng hóa các thành phần kinh tế tham gia cấp nước; ưu tiên nguồn ngân sách Nhà nước để đầu tư tại các vùng khó khăn, biên giới, nơi không đảm bảo điều kiện thực hiện xã hội hóa. Nâng cao năng lực quản lý vận hành của các đơn vị cấp nước; ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ tiên tiến, từng bước hiện đại hóa và tự động hóa ngành cấp nước. Phấn đấu đến năm 2030, 100% dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung; trên 70% dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn.

Xây dựng hạ tầng kỹ thuật các trung tâm du lịch lớn, các điểm du lịch, giao thông kết nối các trung tâm, khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh. Hình thành hệ thống trung tâm thương mại, siêu thị, trung tâm phân phối hiện đại. Tăng cường huy động các nguồn lực, đẩy mạnh xã hội hóa để hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa - thể thao đồng bộ, bền vững từ tỉnh đến cơ sở; đầu tư, nâng cấp trung tâm văn hóa, thể thao đa năng, thư viện hiện đại, nhà văn hóa cộng đồng gắn với thiết chế văn hóa - thể thao, đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện con người Quảng Ngãi trong giai đoạn mới; đầu tư nâng cấp các công trình văn hóa, các di tích cách mạng, lịch sử trọng điểm, cấp quốc gia, đặc biệt là các di tích gắn liền với không gian lễ hội nhằm bảo tồn giá trị văn hóa và thu hút khách du lịch.

Hiện đại hóa trang thiết bị khám, chữa bệnh tại các bệnh viện, trung tâm chuyên khoa tuyến tỉnh và trạm y tế xã đáp ứng cơ bản nhu cầu về công tác khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân; phấn đấu thu hút đầu tư các bệnh viện chất lượng cao.

Đầu tư nâng cấp hệ thống trường học toàn tỉnh đáp ứng nhu cầu dạy và học trong tình hình mới; tập trung xóa phòng học tạm, phòng học mượn, thay thế phòng học xuống cấp; xây dựng nhà ở công vụ cho giáo viên và phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú; xây dựng trường nội trú liên cấp tại các xã biên giới; nâng cấp cơ sở vật chất theo hướng hiện đại, gần với đạt chuẩn quốc gia.

Quyết liệt chỉ đạo rà soát, thống kê, phân loại tổng thể các dự án tồn đọng (kể cả các dự án trong và ngoài ngân sách), những vấn đề thuộc thẩm quyền thì phải quyết liệt xử lý dứt điểm, đồng thời báo cáo rõ vướng mắc và sớm đề xuất phương án xử lý đối với những vấn đề vượt thẩm quyền.

1.7. Phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; quản lý phát triển xã hội bền vững; tập trung nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe của Nhân dân

Gắn kết chặt chẽ, hài hòa, bảo đảm phát triển văn hóa, xã hội ngang tầm với phát triển kinh tế và mọi người dân đều được thụ hưởng thành quả của quá trình đổi mới, phát triển đất nước. Triển khai đồng bộ hệ giá trị văn hoá (dân tộc, dân chủ, nhân văn, khoa học), hệ giá trị quốc gia (hoà bình, thống nhất, độc lập, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, hạnh phúc), hệ giá trị gia đình (ấm no, hạnh phúc, tiến bộ, văn minh), chuẩn mực con người Quảng Ngãi (yêu nước, đoàn kết, tự cường, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, kỷ cương, sáng tạo). Kết hợp nhuần nhuyễn giữa giá trị truyền thống với giá trị hiện đại, sự hòa quyện giữa di sản văn hóa từ biển đảo đến cao nguyên, góp phần phát triển toàn diện bản sắc văn hóa và con người Quảng Ngãi trong kỷ nguyên mới. Bảo tồn lễ hội truyền thống và định hướng phát triển các lễ hội mới nhằm phát huy bản sắc văn hóa gắn với du lịch và phát triển kinh tế. Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, các nghề truyền thống và di sản văn hóa, tập trung kiểm kê, tư liệu hóa di sản; tổ chức truyền dạy cho thế hệ trẻ; tôn vinh và hỗ trợ nghệ nhân; đồng thời gắn bảo tồn với phát triển du lịch và sinh kế cho người dân. Qua đó, giúp di sản không chỉ được gìn giữ mà còn tiếp tục sống trong đời sống cộng đồng hiện nay. Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hoá. Thúc đẩy các phong trào, hoạt động văn hoá thể thao đồng thời tăng cường đầu tư phát triển thể thao thành tích cao, chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng vận động viên trẻ, góp phần nâng cao thành tích và khẳng định vị thế thể thao của tỉnh. Chú trọng phát triển văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa cấp tỉnh gắn với xây dựng các công trình văn hóa, thể thao ngang tầm quốc gia. Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa đóng góp có hiệu quả trong tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững của tỉnh; hình thành từ 02 thương hiệu quốc gia về công nghiệp văn hóa trong các lĩnh vực du lịch văn hoá gắn với kinh tế di sản. Bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh.

Triển khai các cơ chế, chính sách quản lý phát triển xã hội hiện đại, bao trùm, bền vững; cơ chế, chính sách về dân số và phát triển. Xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa tầng, hiện đại, thích ứng linh hoạt, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản, thiết yếu. Hoàn thiện hệ thống bảo hiểm xã hội theo hướng hiện đại, hội nhập, bao phủ toàn bộ lực lượng lao động. Phát triển thị trường lao động linh hoạt, đồng bộ, hiện đại và hội nhập. Chú trọng tạo việc làm có thu nhập ổn định, hỗ trợ người lao động trong khu vực phi chính thức, người sau độ tuổi lao động. Đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội và nhà ở thương mại giá rẻ.

Xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả, bền vững, thích ứng với già hóa dân số; triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển. Tổ chức lại và nâng cao năng lực hệ thống y tế cơ sở, y tế dự phòng, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận thuận lợi và sử dụng hiệu quả các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu; đồng thời xây dựng, phát triển các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chuyên sâu, hiện đại, từng bước tiệm cận trình độ khu vực. Bảo đảm cho mọi người dân được khám sức khỏe định kỳ

hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm một lần; kết nối, cập nhật và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế, triển khai sổ sức khỏe điện tử cho người dân. Đến năm 2030, đạt bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân, người dân được miễn viện phí ở mức cơ bản trong phạm vi quyền lợi bảo hiểm y tế theo lộ trình.

Hoàn thiện hệ thống trợ giúp xã hội, các chính sách an sinh đối với các đối tượng yếu thế; nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội theo hướng bảo đảm mức sống tối thiểu, sàn an sinh xã hội quốc gia. Phối hợp hoàn thiện chính sách giảm nghèo, tránh chồng chéo, trùng lặp, gắn với mục tiêu phát triển bền vững. Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, người cao tuổi, bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ, trẻ em, thanh thiếu niên. Đẩy mạnh phát triển thể dục, thể thao.

Đẩy mạnh cải cách mô hình quản lý xã hội, phát triển đô thị an toàn, đáng sống, thông minh và bền vững. Tăng cường chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong thực hiện chính sách xã hội, hoàn thiện cơ sở dữ liệu về chính sách xã hội. Hiện đại hoá và nâng cao chất lượng công tác dự báo cung - cầu, quản lý lao động, việc làm và giao dịch việc làm dựa trên nền tảng số.

1.8. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, tăng cường bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai

Triển khai cơ chế, chính sách, quy hoạch về quản lý tổng hợp, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học. Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật về tài nguyên, môi trường. Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, khoáng sản quan trọng, nhất là tài nguyên biển, đất hiếm. Phát triển kinh tế rừng bền vững, nâng cao giá trị lâm sản gắn với khoa học, công nghệ, phục hồi tài nguyên rừng và sinh kế người dân. Phát triển mạnh ngành công nghiệp môi trường, thúc đẩy xã hội hoá công tác bảo vệ môi trường. Cải thiện tình trạng ô nhiễm môi trường ở các đô thị, cụm công nghiệp, làng nghề, lưu vực sông và khu vực nông thôn; ngăn chặn suy giảm đa dạng sinh học, bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái, nhất là sinh thái rừng, sinh thái đất ngập nước, sinh thái biển, các khu bảo tồn thiên nhiên. Tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ trong xử lý rác thải.

Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, nhất là lũ ống, lũ quét, sạt lở đất và các hiện tượng thời tiết cực đoan. Xây dựng, hoàn thiện hệ thống bản đồ rủi ro thiên tai, hệ thống cảnh báo sớm thiên tai. Bố trí hợp lý khu dân cư và hỗ trợ phát triển nhà ở cho người dân tại các vùng thường xuyên chịu tác động của thiên tai, bão lũ, sạt lở đất. Bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước. Triển khai các giải pháp phòng, chống sạt lở, lũ ống, lũ quét trên địa bàn tỉnh.

Triển khai hiệu quả cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, mô hình tái chế, tái sử dụng chất thải. Thực hiện điều tra, đánh giá, phân loại tài

nguyên và xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên du lịch của tỉnh Quảng Ngãi để tạo cơ sở cho công tác quản lý và khai thác, sử dụng tài nguyên hợp lý phục vụ phát triển du lịch.

1.9. Tăng cường quốc phòng, an ninh; xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia. Tăng cường xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân, gắn với xây dựng thế trận lòng dân, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc. Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.

Chủ động nghiên cứu, đánh giá, dự báo đúng tình hình, xử lý kịp thời các tình huống về quốc phòng, an ninh, các vấn đề trật tự, an toàn xã hội, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống; ứng phó kịp thời, hiệu quả các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống. Kiên quyết đấu tranh trấn áp hiệu quả các loại tội phạm, nhất là tội phạm có tổ chức, tội phạm sử dụng công nghệ cao, tội phạm ma túy... Bảo đảm an ninh số, an ninh mạng, an ninh, an toàn thông tin; bảo đảm an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân. Bảo đảm chủ quyền số quốc gia trên không gian mạng trong mọi tình huống và bảo đảm môi trường số an toàn, ổn định cho phát triển.

1.10. Đẩy mạnh triển khai đồng bộ, sáng tạo hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện, hiệu quả

Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới. Tiếp tục củng cố, tăng cường quan hệ, hợp tác toàn diện với các địa phương của các nước Lào, Campuchia, nhất là các tỉnh Nam Lào, Đông Bắc Campuchia và một số tỉnh của Thái Lan. Đẩy mạnh công tác phổ biến thông tin và tăng cường hiệu quả thực thi các cam kết, thỏa thuận quốc tế.

Phối hợp chặt chẽ trong công tác mở các cặp cửa khẩu phụ trên tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia, nâng cấp cặp cửa khẩu phụ Đăk Long - Văng Tắt lên thành cửa khẩu chính; tiếp tục kiến nghị đầu tư, nâng cấp Quốc lộ 18B từ Cửa khẩu Quốc tế Bờ Y đi tỉnh Attapur (Lào).

Tham gia giải quyết vấn đề phân giới, cắm mốc còn tồn đọng giữa Việt Nam với Campuchia trên tuyến biên giới qua tỉnh. Tạo điều kiện để các nhà đầu tư trong tỉnh triển khai đầu tư, góp phần kết nối về kinh tế với các địa phương của Lào và Campuchia.

Đẩy mạnh công tác ngoại giao kinh tế, thúc đẩy các hình thức ngoại giao mới (ngoại giao khoa học - công nghệ, ngoại giao số, ngoại giao văn hoá, ngoại giao công thương...). Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp trong các hoạt động sản xuất, đầu tư, kinh doanh, hợp tác với đối tác nước ngoài; hợp tác quốc tế và thúc đẩy phát triển kinh tế biển.

Đẩy mạnh công tác người Việt Nam ở nước ngoài, công tác thông tin đối ngoại và ngoại giao văn hóa góp phần quảng bá, giới thiệu về tiềm năng, thế mạnh, khả năng hợp tác của tỉnh.

1.11. Đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động, phục vụ nhân dân; nâng cao năng lực quản trị xã hội; kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Tiếp tục đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách; tăng cường công tác tổ chức thực thi pháp luật. Rà soát, ban hành kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật để tháo gỡ điểm nghẽn, tạo hành lang pháp lý thông thoáng cho phát triển kinh tế - xã hội. Triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan nhằm xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật, bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật trở thành chuẩn mực ứng xử của mọi chủ thể trong xã hội.

Xây dựng hệ thống quản lý nhà nước, quản trị quốc gia hiện đại, hiệu quả, phục vụ và kiến tạo phát triển, xây dựng chính phủ số, chính quyền số. Tiếp tục đổi mới, xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, hiệu quả. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, uỷ quyền một cách khoa học, hợp lý, đi đôi với nâng cao trách nhiệm, gắn với bảo đảm nguồn lực, phù hợp với năng lực thực hiện nhiệm vụ; tăng cường kiểm tra, giám sát. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương 2 cấp bảo đảm gần dân, sát cơ sở, phục vụ nhân dân hiệu quả.

Hoàn thiện các đề án vị trí việc làm gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Hoàn thiện cơ chế thu hút, tuyển dụng, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài vào làm việc trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập. Rà soát, quy định rõ ràng, cụ thể về các cơ chế, chính sách khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

Phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; quản lý, sử dụng hiệu quả tài sản công. Tăng cường trách nhiệm giải trình, trách nhiệm thực thi công vụ của cán bộ, công chức; hoàn thiện chính sách, thể chế về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

2. Nhiệm vụ, giải pháp điều hành tài chính ngân sách, vay trả nợ công và đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030

2.1. Nhiệm vụ, giải pháp điều hành tài chính ngân sách

Tổ chức thực hiện tốt Luật ngân sách nhà nước, Luật Quản lý thuế và các văn bản khác, nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước theo Nghị quyết của Quốc hội. Quyết liệt thực hiện công tác thu ngân sách nhà nước, phấn đấu hoàn thành dự toán thu được giao ở mức cao nhất. Đảm bảo bao quát toàn bộ nguồn thu, nâng cao năng lực hoạt động quản lý thuế để phòng, chống trốn thuế, thất thu và nợ thuế, thực hiện quản lý thuế điện tử, quản lý rủi ro, bảo vệ quyền lợi hợp pháp cũng như tạo môi trường thuận lợi, rõ ràng, minh bạch để người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế, xử lý nợ đọng thuế,

bảo đảm thu đúng, đủ, kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác vào ngân sách nhà nước. Các cơ quan chức năng phối hợp chặt chẽ trong quản lý thu, chống thất thu, ngăn chặn có hiệu quả các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất, kinh doanh hàng giả, chuyển giá, trốn, lậu thuế, phát hiện kịp thời các trường hợp kê khai không đúng, không đủ, gian lận thuế. Chỉ đạo theo dõi, nắm bắt tình hình, bám sát kế hoạch xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp có số thu lớn để kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc, tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu và đồng hành cùng doanh nghiệp. Tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số, điện tử hóa, kết nối đồng bộ cơ sở thông tin dữ liệu ngành thuế với hệ thống dữ liệu của các cơ quan quản lý nhà nước khác để tăng cường hiệu quả quản lý nguồn thu, nhất là các nguồn thu từ đất đai, tài nguyên, khoáng sản.

Các sở, ban ngành, các xã, phường, đặc khu tiếp tục đẩy mạnh khai thác nguồn thu từ quỹ đất, tiếp tục rà soát quỹ đất trên địa bàn, thực hiện tốt công tác đo đạc, thu hồi, giao thuê đất, chuyển quyền, chuyển mục đích sử dụng đất; tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng để đẩy mạnh việc khai thác quỹ đất để thực hiện các dự án khu dân cư, dự án khu du lịch... Xây dựng và hoàn thiện giá các loại đất trên địa bàn theo lộ trình tiến đến sát với giá thị trường. Tăng cường quản lý và khai thác có hiệu quả các khoản thu từ đất và nguồn thu từ các khu công nghiệp và khu kinh tế. Triển khai hiệu quả công tác đấu giá quyền sử dụng đất và thu tiền sử dụng đất đối với các dự án thu tiền sử dụng đất để tạo nguồn thu lớn cho tỉnh; kiên quyết xử lý thu hồi các dự án chậm triển khai mà không có lý do chính đáng, các dự án không thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của Luật thuế hiện hành.

Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp về thu hút đầu tư các dự án trọng điểm vào tỉnh, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đã được khởi công, xúc tiến các công việc liên quan đến triển khai các dự án; đẩy nhanh công tác đền bù giải phóng mặt bằng, thực hiện đúng các cam kết đã ký với các nhà đầu tư. Thực hiện các biện pháp khuyến khích, đẩy mạnh xuất khẩu, nhất là các mặt hàng có giá trị cao của tỉnh.

Nâng cao hiệu quả phân bổ, quản lý và sử dụng các nguồn lực tài chính; Đẩy mạnh cơ cấu lại chi đầu tư công gắn với hiệu quả, hiệu lực phân bổ, giải ngân vốn đầu tư công, cải thiện vai trò dẫn dắt, vốn ban đầu của nguồn lực ngân sách nhà nước, đẩy mạnh thu hút các nguồn lực vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước để tăng nguồn lực đầu tư toàn xã hội, tập trung bố trí vốn cho các công trình, dự án quan trọng, cấp thiết có tính lan tỏa, tác động nhanh đến phát triển các ngành, lĩnh vực, địa bàn để hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Tiếp tục đổi mới phương thức quản lý chi thường xuyên, đẩy mạnh cơ chế khoán, đấu thầu, đặt hàng, tăng cường phân cấp, trao quyền tự chủ, khuyến khích sử dụng nguồn lực phù hợp với đặc thù của từng đơn vị, địa phương trong sử dụng ngân sách nhà nước; tăng cường nguồn lực chi đầu tư phát triển con người nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thúc đẩy tăng năng suất lao động, đảm bảo nguồn lực tiếp tục thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội.

Đẩy mạnh việc quản lý, điều hành tài chính ngân sách theo kế hoạch trung hạn; thực hiện quản lý chi ngân sách nhà nước trong phạm vi dự toán. Tiếp tục cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước, đảm bảo bố trí đủ nguồn để thanh toán trả nợ đầy đủ, đúng hạn các khoản vay của chính quyền địa phương.

Thực hiện điều hành ngân sách chủ động, tích cực, đảm bảo cân đối ngân sách các cấp, chủ động rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ chi; quản lý chặt chẽ, chi trong phạm vi dự toán được giao; yêu cầu các chủ đầu tư tập trung thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, của UBND tỉnh. Phân cấp thu, chi cho từng cấp ngân sách trên tinh thần Luật ngân sách nhà nước, tăng tính chủ động của từng cấp trong cân đối ngân sách, tăng sự quan tâm bồi dưỡng khai thác các nguồn thu trên địa bàn để đáp ứng nhu cầu chi. Gắn việc quản lý, điều hành các nhiệm vụ chi với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của mỗi cấp chính quyền.

Tiếp tục đẩy mạnh đổi mới cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công, thực hiện giao quyền tự chủ toàn diện cho khu vực sự nghiệp công lập trên cơ sở tính đúng, tính đủ giá dịch vụ công theo lộ trình, đảm bảo công khai, minh bạch. Nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước; bảo toàn, phát triển vốn và các nguồn lực Nhà nước giao; đảm bảo việc cung ứng các sản phẩm, dịch vụ thiết yếu nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội; nâng cao hiệu lực công tác quản lý, giám sát của cơ quan nhà nước. Tiếp tục rà soát kế hoạch cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp, đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật; thúc đẩy công khai, minh bạch thông tin và tăng cường trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp.

Siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính ngân sách nhà nước, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra phòng chống tham nhũng, lãng phí. Đẩy mạnh cải cách hành chính, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giảm biên chế theo quy định của Trung ương.

2.2. Nhiệm vụ, giải pháp vay trả nợ công

Kiểm soát chặt chẽ nợ công trong giới hạn cho phép của địa phương. Tăng cường quản lý, giám sát chặt chẽ đầu tư công. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn vay, chỉ tập trung cho các công trình, dự án trọng điểm, thật sự có hiệu quả và đảm bảo được khả năng cân đối nguồn vốn trả nợ. Đồng thời ưu tiên bố trí nguồn kinh phí trả nợ gốc, nợ lãi các khoản vay của tỉnh. Để chủ động quản lý nợ công, trả nợ vay đến hạn cần rà soát, chỉ tập trung cho các công trình, dự án trọng điểm, thực sự có hiệu quả, đảm bảo khả năng cân đối nguồn trả nợ các dự án đề xuất vay mới trước khi trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt; Tính toán chi tiết các khoản vay đến hạn phải trả để ưu tiên bố trí nguồn vốn trả nợ theo kế hoạch của Trung ương giao. thực hiện công khai hóa, minh bạch hóa thông tin về đầu tư; tăng cường thẩm quyền và năng lực của hệ thống giám sát đối với đầu tư công.

2.3. Nhiệm vụ, giải pháp đầu tư công trung hạn

Đối với ngân sách trung ương: Bố trí theo quy định của Luật Đầu tư công, trong đó tập trung ưu tiên bố trí cho các Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án

trọng điểm, liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, các chương trình, dự án theo Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh và các dự án cần thiết, cấp bách khác. Dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 là 10%; giảm số lượng dự án tối thiểu 30% so với giai đoạn 2021-2025.

Đối với ngân sách địa phương (ngân sách tỉnh, xã, phường, đặc khu): Địa phương chủ động quyết định đầu tư theo quy hoạch và khả năng cân đối nguồn lực, phục vụ tốt nhất các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn theo tinh thần “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”. Quán triệt nguyên tắc bố trí vốn tập trung, không dàn trải, giảm số lượng dự án tối thiểu 30% so với giai đoạn 2021-2025, ưu tiên bố trí cho các dự án có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Bảo đảm bố trí đủ vốn ngân sách địa phương tham gia các chương trình mục tiêu quốc gia và các dự án trọng điểm được Trung ương hỗ trợ đầu tư trên địa bàn, bố trí đủ vốn ngân sách địa phương tham gia các dự án sử dụng nhiều nguồn vốn theo cam kết. Nâng cao chất lượng, hiệu quả đầu tư công, đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công.

Thực hiện đầy đủ các quy định của Trung ương về đầu tư công. Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa đầu tư công với đầu tư xã hội. Hợp tác, vay vốn nước ngoài, vốn trái phiếu dài hạn, vốn của Nhân dân, doanh nghiệp, kết hợp với ngân sách nhà nước để triển khai các dự án lớn.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh và Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu và các đơn vị có liên quan:

1.1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, chủ động triển khai nghiêm túc các nhiệm vụ trong Chương trình hành động này của UBND tỉnh; có trách cập nhật, bổ sung vào Chương trình/ Kế hoạch hành động thuộc phạm vi quản lý của mình, trong đó: các nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình triển khai thực hiện và phân công trách nhiệm cụ thể, bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả, tiết kiệm và tránh hình thức, lãng phí; báo cáo UBND tỉnh trong Quý II/2026, đồng gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo theo quy định. Trên cơ sở Chương trình hành động này của UBND tỉnh và Chương trình/ Kế hoạch hành động của mình, từng cơ quan, đơn vị, địa phương cụ thể hóa thành các nhiệm vụ trong kế hoạch công tác hằng năm.

1.2. Tập trung chỉ đạo thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng; Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương; Nghị quyết số 109/NQ-CP của Chính phủ; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh; Chương trình số 16-CTr/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Chương trình số 22-CTr/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Chương trình số 11-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ UBND tỉnh và Chương trình số 13-CTr/ĐU của Ban Chấp hành Đảng bộ UBND tỉnh, Chương trình hành động này của UBND tỉnh và Chương trình/ Kế hoạch hành động của mình; hoàn thành các mục

tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ ngành, lĩnh vực, chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế của tỉnh, các nhiệm vụ được giao tại Phụ lục số 01, Phụ lục số 02, Phụ lục số 03, Phụ lục số 04, Phụ lục số 05 và Phụ lục số 06 kèm theo Chương trình hành động này. Trong quá trình tổ chức thực hiện đặc biệt lưu ý cần nghiêm túc quán triệt thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức, hoạt động và phương thức lãnh đạo của Đảng; tăng cường đoàn kết, phát huy dân chủ gắn với giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương; tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy; có quyết tâm chính trị cao; dự báo chính xác, kịp thời diễn biến của tình hình; chủ động ứng phó kịp thời với mọi tình huống; nỗ lực hơn nữa để tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới trên các lĩnh vực theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực; quyết tâm thực hiện thắng lợi toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

1.3. Chịu trách nhiệm đôn đốc thực hiện và kết quả đạt được của các chỉ tiêu tăng trưởng, nhiệm vụ và giải pháp được phân công chủ trì theo dõi, đánh giá tại các Phụ lục kèm theo Chương trình hành động này.

1.4. Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc triển khai thực hiện Chương trình hành động này của UBND tỉnh và Chương trình/ Kế hoạch hành động của mình; định kỳ 06 tháng, hằng năm, giữa kỳ và cuối nhiệm kỳ đánh giá tình hình, kết quả thực hiện, báo cáo UBND tỉnh, đồng gửi Sở Tài chính để theo dõi và tổng hợp theo quy định, đồng thời phục vụ kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc hoặc cần phải cập nhật, điều chỉnh, bổ sung, thay thế, bãi bỏ nội dung liên quan cho phù hợp với thực tiễn; các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời kiến nghị, gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo thực hiện.

2. Tại thời điểm lập dự toán hàng năm, các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch và lập dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình hành động gửi Sở Tài chính. Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định, tổng hợp và trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí để thực hiện phù hợp với quy định, đảm bảo triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ đã xác định trong Chương trình hành động.

3. Sở Tài chính chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động này, định kỳ tổng hợp báo cáo và kiến nghị UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh các biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện đồng bộ và có hiệu quả Chương trình hành động này; bám sát các nội dung liên quan trong chương trình làm việc của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, HĐND tỉnh để tổ chức triển khai thực hiện và báo cáo theo thẩm quyền và quy định.

Sau khi Chính phủ ban hành Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026-2030; giao Sở Tài chính chủ trì, tham mưu UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số nhiệm vụ, nội dung công việc trong Chương trình hành động này (nếu cần thiết).

(Có kèm theo Danh mục các Nhiệm vụ/Đề án/Chương trình/Kế hoạch thuộc Chương trình hành động của UBND tỉnh giai đoạn 2026-2030)./.